

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST

Ngày: 28-04-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em

2. Ông Liêu Tài Ngoánh

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Văn Hữu Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 03 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tầng C Tòa nhà T, Số X đường Trần Q, Phường K, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn D, chức vụ: Giám đốc chi nhánh H, theo nội dung ủy quyền tại Quyết định số 6650/2017/QĐ-TQĐ ngày 20/06/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lâm Thanh T, chức danh: Chuyên viên, Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh H (Quyết định ủy quyền số 287 đề ngày 06/9/2022).

2. Bị đơn: Ông Triệu Văn C, sinh năm 1965 và bà Trần Thị B, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, ông C và bà B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 10 năm 2022, tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần B trình bày:

Ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B có vay tiền của Ngân hàng thương mại

cổ phần B, cụ thể như sau:

**Khoản vay thứ 01:*

Ngày 21/01/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần B- chi nhánh H với ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B đã ký kết hợp đồng tín dụng số HD10221011904920. Theo đó, Ngân hàng cho ông C và bà B vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), mục đích vay: Tiêu dùng.

- Lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân.
- Thời hạn vay là 60 tháng.
- Hình thức trả nợ gốc và lãi được trả định kỳ hàng tháng.

Ngày 21/01/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần B – chi nhánh H đã giải ngân và ông Triệu Văn C, bà Trần Thị B đã nhận đủ số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), mục đích vay: Tiêu dùng.

- Lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân.
- Thời hạn vay là 60 tháng.
- Hình thức trả nợ gốc và lãi được trả định kỳ hàng tháng.

** Khoản vay thứ 02:*

Ngày 30/8/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần B- chi nhánh H với ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B đã ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD92020171672. Theo đó, Ngân hàng cho ông C và bà B vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), mục đích vay: Tiêu dùng.

- Lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân.
- Thời hạn vay là 60 tháng.
- Hình thức trả nợ gốc và lãi được trả định kỳ hàng tháng.

Ngày 30/8/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần B – chi nhánh H đã giải ngân và ông Triệu Văn C, bà Trần Thị B đã nhận đủ số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), mục đích vay: Tiêu dùng.

- Lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân.
- Thời hạn vay là 60 tháng.
- Hình thức trả nợ gốc và lãi được trả định kỳ hàng tháng.

Để bảo đảm nợ các khoản vay trên, ông C và bà B không có thế chấp tài sản.

Trong quá trình quan hệ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần B- chi nhánh H, ông C và bà B đã vi phạm hợp đồng phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thường xuyên liên hệ, nhắc nhở ông C và bà B để trả nợ, ông C và bà B cam kết nhiều lần nhưng không thực hiện đúng cam kết.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu buộc ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B trả số tiền nợ tính đến ngày 28/04/2023 tổng cộng là 27.539.483 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng), cụ thể:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số HD10221011904920 ngày 21/01/2019 tính đến ngày 28/04/2023 là 18.281.019 đồng (Mười tám triệu hai trăm tám mươi một nghìn không trăm mười chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 15.210.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm mười nghìn đồng), lãi trong hạn là 1.820.862 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng), lãi quá hạn là 1.250.157 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn một

trăm năm mươi bảy đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số HDTD92020171672 ngày 30/8/2017 tính đến ngày 28/04/2023 là 9.258.464 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 7.640.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), lãi trong hạn là 267.949 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng), lãi quá hạn là 1.350.515 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn năm trăm mười lăm đồng).

Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu ông C và bà B trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 29/04/2023 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán hết nợ. Ngoài ra, Ngân hàng không còn có yêu cầu gì khác.

Đối với ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, ông C và bà B cũng không có cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần B theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho ông C và bà B, nhưng ông C và bà B không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề xuất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B. Buộc ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tính đến ngày 28/04/2023 tổng cộng là 27.539.483 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng), cụ thể:

+ Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số HD10221011904920 ngày 21/01/2019 tính đến ngày 28/04/2023 là 18.281.019 đồng (Mười tám triệu hai trăm tám mươi một nghìn không trăm mười chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 15.210.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm mười nghìn đồng), lãi trong hạn là 1.820.862 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng), lãi quá hạn là 1.250.157 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn một trăm năm mươi bảy đồng).

+ Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số HDTD92020171672 ngày 30/8/2017 tính đến ngày 28/04/2023 là 9.258.464 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 7.640.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), lãi trong hạn là 267.949 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng), lãi quá hạn là 1.350.515 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn năm trăm mười lăm đồng).

Đồng thời, buộc ông C và bà B trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền lãi phát sinh từ ngày 29/04/2023 đến ngày ông C và bà B trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí: Ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lâm Thanh T có đơn xin vắng mặt, ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho ông C và bà B theo quy định để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B, nhưng ông C và bà B vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, ông C và bà B.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B:

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có cung cấp Hợp đồng tín dụng số HD10221011904920 ngày 21/01/2019 và Hợp đồng tín dụng số HDTD92020171672 ngày 30/8/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng với ông C và bà B, đủ căn cứ xác định ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B có vay vốn với các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tại Ngân hàng thương mại cổ phần B là hoàn toàn có xảy ra trên thực tế. Tính đến thời điểm khởi kiện ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện là có căn cứ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho ông C và bà B theo quy định, nhưng ông C và bà B vẫn vắng mặt xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, ông C và bà B cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ và văn bản trình bày ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng. Do vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, buộc ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B vốn, lãi tính đến ngày 28/04/2023 tổng cộng là 27.539.483 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng), cụ thể:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số HD10221011904920 ngày 21/01/2019 tính đến ngày 28/04/2023 là 18.281.019 đồng (Mười tám triệu hai

trăm tám mươi một nghìn không trăm mười chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 15.210.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm mười nghìn đồng), lãi trong hạn là 1.820.862 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng), lãi quá hạn là 1.250.157 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn một trăm năm mươi bảy đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số HDTD92020171672 ngày 30/8/2017 tính đến ngày 28/04/2023 là 9.258.464 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 7.640.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), lãi trong hạn là 267.949 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng), lãi quá hạn là 1.350.515 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn năm trăm mười lăm đồng).

Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông C và bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông C và bà B vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí: Ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B phải chịu nộp là 1.376.974 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần B đã dự nộp 598.000 đồng (Năm trăm chín mươi tám nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003399 ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ tính đến ngày 28/04/2023 tổng cộng là 27.539.483 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng), cụ thể:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số HD10221011904920 ngày 21/01/2019 tính đến ngày 28/04/2023 là 18.281.019 đồng (Mười tám triệu hai trăm tám mươi một nghìn không trăm mười chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 15.210.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm mười nghìn đồng), lãi trong hạn là 1.820.862 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng), lãi quá hạn là 1.250.157 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn một trăm năm mươi bảy đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số HDTD92020171672 ngày 30/8/2017 tính đến ngày 28/04/2023 là 9.258.464 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 7.640.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), lãi trong hạn là 267.949 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng), lãi quá hạn là 1.350.515 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn năm trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông C và bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông C và bà B vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Triệu Văn C và bà Trần Thị B phải chịu số tiền là 1.376.974 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần B đã dự nộp 598.000 đồng (Năm trăm chín mươi tám nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003399 ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Mỹ Xuyên